

CÂU HỎI ÔN THI MÔN TRIẾT HỌC CÓ GIẢI CHI TIẾT CỦA TRƯỜNG ĐH CÔNG NGHỆ

Câu 1: Sự khác nhau tương đối và sự thống nhất giữa ba bộ phận cấu thành của chủ nghĩa Mác-Lênin?

Lời giải:

Chủ nghĩa Mác-Lênin là:

Hệ thống quan điểm và học thuyết” khoa học, gồm triết học, kinh tế chính trị và chủ nghĩa xã hội khoa học của C.Mác và Ph.Ăngghen, V.I. Lênin bảo vệ, vận dụng và phát triển;

Được hình thành trên cơ sở kế thừa và phát triển biện chứng những giá trị lịch sử tư tưởng nhân loại để giải thích, nhận thức thực tiễn thời đại;

Là thế giới quan duy vật biện chứng và phương pháp luận biện chứng duy vật của nhận thức khoa học và thực tiễn cách mạng;

Là khoa học về sự nghiệp tự giải phóng giai cấp vô sản, giải phóng nhân dân lao động và giải phóng con người, về những quy luật chung nhất của cách mạng xã hội chủ nghĩa, xây dựng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản;

Là hệ tư tưởng khoa học của giai cấp công nhân và nhân dân lao động.

Ba bộ phận lý luận cơ bản cấu thành chủ nghĩa Mác-Lênin: Chủ nghĩa Mác-Lênin bao gồm hệ thống tri thức phong phú bao quát nhiều lĩnh vực, với những giá trị lịch sử, thời đại và khoa học to lớn; nhưng triết học, kinh tế chính trị học và chủ nghĩa xã hội khoa học là những bộ phận lý luận quan trọng nhất.

Triết học Mác-Lênin là hệ thống tri thức chung nhất về thế giới, về vị trí, vai trò của con người trong thế giới ấy.

Kinh tế chính trị Mác-Lênin là hệ thống tri thức về những quy luật chi phối quá trình sản xuất và trao đổi tư liệu sinh hoạt vật chất trong đời sống xã hội mà trọng tâm của nó là những quy luật kinh tế của quá trình vận động, phát triển, diệt vong tất yếu của hình thái kinh tế-xã hội tư bản chủ nghĩa cũng như sự ra đời tất yếu của hình thái kinh tế-xã hội cộng sản chủ nghĩa.

Chủ nghĩa xã hội khoa học là hệ thống tri thức chung nhất về cách mạng xã hội chủ nghĩa và quá trình hình thành, phát triển của hình thái kinh tế-xã hội cộng sản chủ

nghĩa; về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân trong sự nghiệp xây dựng hình thái kinh tế-xã hội đó.

Câu 2: Những điều kiện, tiền đề của sự ra đời chủ nghĩa Mác?

Lời giải:

Điều kiện kinh tế-xã hội

Vào cuối thế kỷ XVIII đến giữa thế kỷ XIX, cuộc cách mạng công nghiệp xuất hiện và lan rộng ra các nước tây Âu tiên tiến không những làm cho phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa trở thành hệ thống kinh tế thống trị, tính hơn hẳn của chế độ tư bản so với chế độ phong kiến thể hiện rõ nét, mà còn làm thay đổi sâu sắc cục diện xã hội mà trước hết là sự hình thành và phát triển của giai cấp vô sản.

Đồng thời với sự phát triển đó, mâu thuẫn vốn có, nội tại nằm trong phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa ngày càng thể hiện sâu sắc và gay gắt hơn. Mâu thuẫn giữa vô sản với tư sản, vốn mang tính đối kháng, đã biểu hiện thành đấu tranh giai cấp. Giai cấp tư sản không còn đóng vai trò là giai cấp cách mạng trong xã hội.

Đến những năm 40 của thế kỷ XIX, giai cấp vô sản đã xuất hiện với tư cách là một lực lượng chính trị-xã hội độc lập và đã ý thức được những lợi ích cơ bản của mình để tiến hành đấu tranh tự giác chống giai cấp tư sản.

Tiền đề lý luận

C.Mác và Ph.Ăngghen đã kế thừa triết học cổ điển Đức, đặc biệt là phép biện chứng duy tâm và tư tưởng duy vật về những vấn đề cơ bản của triết học để xây dựng nên phép biện chứng duy vật và mở rộng nhận thức sang cả xã hội loài người, làm cho chủ nghĩa duy vật trở nên hoàn bị và triệt để.

Kinh tế chính trị học Anh mà đặc biệt là lý luận về kinh tế hàng hóa; học thuyết giá trị thặng dư là cơ sở của hệ thống kinh tế tư bản chủ nghĩa. Đó còn là việc thừa nhận các quy luật khách quan của đời sống kinh tế xã hội, đặt quy luật giá trị làm cơ sở cho toàn bộ hệ thống kinh tế và rằng, do đó chủ nghĩa tư bản là vĩnh cửu.

Chủ nghĩa xã hội không tưởng Pháp với những dự đoán thiên tài mà trước hết là lịch sử loài người là một quá trình tiến hóa không ngừng, chế độ sau tiến bộ hơn chế độ trước; rằng sự xuất hiện các giai cấp đối kháng trong xã hội là kết quả của sự chiếm đoạt; đồng thời phê phán chủ nghĩa tư bản là ở đó con người bị bóc lột và lừa bịp, chính phủ không quan tâm tới dân nghèo. Khẳng định xã hội xã hội chủ nghĩa là xã hội công nghiệp mà trong đó, công nông nghiệp đều được khuyến khích, đa số người lao động được bảo đảm những điều kiện vật chất cho cuộc sống v.v là cơ sở để chủ nghĩa Mác phát triển thành lý luận cải tạo xã hội.

Tiền đề khoa học tự nhiên:

Trong những thập kỷ đầu thế kỷ XIX, khoa học tự nhiên phát triển mạnh với nhiều phát minh quan trọng, cung cấp cơ sở tri thức khoa học để tư duy biện chứng trở thành khoa học.

Định luật bảo toàn và chuyển hoá năng lượng đã dẫn đến kết luận triết học là sự phát triển của vật chất là một quá trình vô tận của sự chuyển hoá những hình thức vận động của chúng.

Thuyết tế bào xác định sự thống nhất về mặt nguồn gốc và hình thức giữa động vật và thực vật; giải thích quá trình phát triển của chúng; đặt cơ sở cho sự phát triển của toàn bộ nền sinh học; bác bỏ quan niệm siêu hình về nguồn gốc và hình thức giữa thực vật với động vật.

Thuyết tiến hoá đã khắc phục được quan điểm cho rằng giữa thực vật và động vật không có sự liên hệ; là bất biến; do Thượng Đế tạo ra và đem lại cho sinh học cơ sở khoa học, xác định tính biến dị và di truyền giữa các loài.

Chủ nghĩa Mác ra đời là một tất yếu lịch sử. Sự ra đời của nó không những do nhu cầu nhu cầu khách quan của thực tiễn xã hội lúc bấy giờ, do sự kế thừa những thành tựu trong lý luận và được kiểm chứng bằng các thành tựu của khoa học, mà còn do bản thân sự phát triển của lịch sử đã tạo ra những tiền đề khách quan cho sự ra đời của nó. Bởi vậy, chủ nghĩa Mác “cung cấp cho loài người và nhất là cho giai cấp công nhân, những công cụ nhận thức vĩ đại” và Đảng Cộng sản Việt Nam “kiên định chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động của Đảng”.

Câu 3: Sự khác nhau tương đối và sự thống nhất giữa ba bộ phận cấu thành của chủ nghĩa Mác-Lênin?

Lời giải:

Sự khác nhau tương đối giữa triết học, kinh tế chính trị và chủ nghĩa xã hội khoa học với tư cách là ba bộ phận lý luận cấu thành chủ nghĩa Mác-Lênin thể hiện ở chỗ chủ nghĩa xã hội khoa học không nghiên cứu những quy luật xã hội tác động trong tất cả hoặc trong nhiều hình thái kinh tế-xã hội như chủ nghĩa duy vật lịch sử, mà chỉ nghiên cứu các quy luật đặc thù của sự hình thành, phát triển của hình thái kinh tế-xã hội cộng sản chủ nghĩa. Chủ nghĩa xã hội khoa học cũng không nghiên cứu các quan hệ kinh tế như kinh tế chính trị, mà chỉ nghiên cứu các quan hệ chính trị-xã hội của chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản.

Sự thống nhất tương đối giữa triết học, kinh tế chính trị và chủ nghĩa xã hội khoa học với tư cách là ba bộ phận lý luận cấu thành chủ nghĩa Mác-Lênin thể hiện ở

quan niệm duy vật về lịch sử mà tư tưởng chính của nó là do sự phát triển khách quan của lực lượng sản xuất nên từ một hình thái kinh tế-xã hội này nảy sinh ra một hình thái kinh tế-xã hội khác tiến bộ hơn và chính quan niệm như thế đã thay thế sự lộn xộn, tùy tiện trong các quan niệm về xã hội trong các học thuyết triết học trước đó; thể hiện ở việc C. Mác và Ph.Ăngghen vận dụng thế giới quan duy vật biện chứng và phép biện chứng duy vật vào việc nghiên cứu kinh tế, từ đó sáng tạo ra học thuyết giá trị thặng dư để nhận thức chính xác sự xuất hiện, phát triển và diệt vong tất yếu của chủ nghĩa tư bản. Đến lượt mình, học thuyết giá trị thặng dư cùng với quan niệm duy vật về lịch sử đã đưa sự phát triển của chủ nghĩa xã hội từ không tưởng đến khoa học.

Câu 4: Tại sao chúng ta gọi chủ nghĩa Mác là chủ nghĩa Mác-Lênin?

Lời giải:

Sau khi C.Mác và Ph.Ăngghen qua đời, V.I.Lênin là người bảo vệ, bổ sung, phát triển và vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác. Chủ nghĩa Lenin hình thành và phát triển trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa duy tâm, xét lại và giáo điều; là sự tiếp tục và là giai đoạn mới trong lịch sử chủ nghĩa Mác để giải quyết những vấn đề cách mạng vô sản trong giai đoạn chủ nghĩa đế quốc và bước đầu xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Nhu cầu bảo vệ và phát triển chủ nghĩa Mác.

Những năm cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, chủ nghĩa tư bản đã bước sang giai đoạn chủ nghĩa đế quốc. Bản chất bóc lột và thống trị của chủ nghĩa tư bản ngày càng tinh vi, tàn bạo hơn; mâu thuẫn đặc thù vốn có của chủ nghĩa tư bản ngày càng bộc lộ sâu sắc mà điển hình là mâu thuẫn giữa giai cấp tư sản và giai cấp vô sản.

Những năm cuối thế kỷ XIX, bước sang thế kỷ XX, có những phát minh vật lý mang tính vạch thời đại, làm đảo lộn căn bản quan niệm ngàn đời về vật chất. Đây là cơ hội để chủ nghĩa duy tâm tấn công chủ nghĩa Mác; một số nhà khoa học tự nhiên rơi vào tình trạng khủng hoảng về thế giới quan, gây ảnh hưởng trực tiếp đến nhận thức và hành động của phong trào cách mạng.

Chủ nghĩa Mác đã được truyền bá vào nước Nga; nhưng những trào lưu như chủ nghĩa kinh nghiệm phê phán, chủ nghĩa thực dụng, chủ nghĩa xét lại v.v đã nhân danh đổi mới chủ nghĩa Mác để xuyên tạc và phủ nhận chủ nghĩa đó.

Trong bối cảnh như vậy, nhu cầu khách quan về việc khái quát những thành tựu khoa học tự nhiên để rút ra những kết luận về thế giới quan và phương pháp luận triết học cho các khoa học chuyên ngành; đấu tranh chống lại những trào lưu tư tưởng phản động và phát triển chủ nghĩa Mác đã được thực tiễn nước Nga đặt ra. Hoạt động lý luận của V.I.Lênin nhằm đáp ứng nhu cầu lịch sử đó.

Quá trình V.I.Lênin bảo vệ và phát triển chủ nghĩa Mác được chia thành ba thời kỳ, tương ứng với ba nhu cầu khách quan của thực tiễn nước Nga.

Trong thời kỳ 1893-1907, V.I.Lênin tập trung phê phán tính duy tâm của phái “dân túy” về những vấn đề lịch sử-xã hội và chỉ ra rằng, qua việc xóa nhòa ranh giới giữa phép biện chứng duy vật với phép biện chứng duy tâm của Hêghen, phái dân túy đã xuyên tạc chủ nghĩa Mác. V.I.Lênin cũng phát triển quan điểm của chủ nghĩa Mác về các hình thức đấu tranh giai cấp của giai cấp vô sản trước khi giành được chính quyền; trong đó các vấn đề về đấu tranh kinh tế, chính trị, tư tưởng được đề cập rõ nét; ông cũng phát triển chủ nghĩa Mác về những vấn đề như phương pháp cách mạng; nhân tố chủ quan và yếu tố khách quan; vai trò của quần chúng nhân dân; của các đảng chính trị trong giai đoạn đế quốc chủ nghĩa.

Trong thời kỳ 1907-1917, V.I.Lênin viết tác phẩm Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa kinh nghiệm phê phán (1909)- tác phẩm khái quát từ góc độ triết học những thành tựu mới nhất của khoa học tự nhiên để bảo vệ và tiếp tục phát triển chủ nghĩa Mác; phê phán triết học duy tâm chủ quan đang chống lại chủ nghĩa duy vật nói chung và chủ nghĩa duy vật biện chứng nói riêng. Trong tác phẩm, vấn đề cơ bản của triết học và phạm trù vật chất có ý nghĩa hệ tư tưởng và phương pháp luận hết sức to lớn. Bảo vệ và phát triển chủ nghĩa Mác về nhận thức, V.I.Lênin cũng chỉ ra sự thống nhất bên trong, không tách rời của chủ nghĩa duy vật biện chứng với chủ nghĩa duy vật lịch sử; sự thống nhất của những luận giải duy vật về tự nhiên, về xã hội, về con người và tư duy của nó. Trong tác phẩm Bút ký triết học (1914-1916), V.I.Lênin tiếp tục khai thác hạt nhân hợp lý của triết học Hêghen để làm phong phú thêm phép biện chứng duy vật, đặc biệt là lý luận về sự thống nhất giữa các mặt đối lập. Năm 1917, V.I.Lênin viết tác phẩm Nhà nước và cách mạng bàn về vấn đề nhà nước chuyên chính vô sản, bạo lực cách mạng và vai trò của đảng công nhân và con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội; đưa ra tư tưởng về nhà nước Xôviết, coi đó là hình thức của chuyên chính vô sản; vạch ra những nhiệm vụ chính trị và kinh tế mà nhà nước đó phải thực hiện và chỉ ra những nguồn gốc vật chất của chủ nghĩa xã hội được tạo ra do sự phát triển của chủ nghĩa tư bản.

Thời kỳ 1917-1924. Thắng lợi của cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng Mười (Nga) năm 1917 mở ra thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội. Sự kiện này làm nảy sinh những nhu cầu mới về lý luận mà sinh thời C.Mác và Ph.Ăngghen chưa thể hiện; V.I.Lênin tiếp tục tổng kết thực tiễn để đáp ứng nhu cầu đó bằng các tác phẩm mà các nội dung chính của chúng cho rằng việc thực hiện kiểm tra, kiểm soát toàn dân; tổ chức thi đua xã hội chủ nghĩa là những điều kiện cần thiết để chuyển sang xây dựng "chủ nghĩa xã hội kế hoạch". V.I.Lênin cũng chỉ ra rằng, nguyên tắc tập trung dân chủ là cơ sở của công cuộc xây dựng kinh tế; xây dựng nhà nước xã hội chủ nghĩa. Ông nhấn mạnh tính lâu dài của thời kỳ quá độ, không

tránh khỏi phải đi qua những nấc thang trên con đường đi lên chủ nghĩa xã hội. V.I.Lênin khẳng định vai trò kinh tế hàng hóa trong điều kiện nền sản xuất hàng hoá nhỏ đang chiếm ưu thế trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội. Nhận thấy sự quan liêu đã bắt đầu xuất hiện trong nhà nước công nông non trẻ, ông đề nghị những người cộng sản cần thường xuyên chống ba kẻ thù chính là sự kiêu ngạo, ít học và tham nhũng. V.I.Lênin cũng chú ý đến việc chống chủ nghĩa giáo điều khi vận dụng chủ nghĩa Mác nếu không muốn lạc hậu so với cuộc sống.

Di sản kinh điển của V.I.Lênin trở thành cơ sở cho việc nghiên cứu những vấn đề lý luận và thực tiễn của các đảng cộng sản. Thiên tài về lý luận và thực tiễn của V.I. Lênin trong việc kế thừa, bảo vệ và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác được những người cộng sản đánh giá cao. Họ đặt tên cho chỗ nghĩa của mình là chủ nghĩa Mac-Lênin.

Câu 5: Chủ nghĩa Mác-Lênin với phong trào cách mạng thế giới?

Lời giải:

Chủ nghĩa Mác-Lênin có những ảnh to lớn lên thực tiễn phong trào công nhân và nhân dân lao động thế giới. Cách mạng tháng 3 năm 1871 ở Pháp được coi là sự kiểm nghiệm thực tế đầu tiên đối với chủ nghĩa Mác-Lênin; nhà nước kiểu mới- nhà nước chuyên chính vô sản đầu tiên trong lịch sử nhân loại (Công xã Pari) được thành lập, là kinh nghiệm thực tiễn đầu tiên được rút ra từ lý luận cách mạng. Tháng 8 năm 1903, đảng Bôn-sê-vích Nga được thành lập theo tư tưởng của chủ nghĩa Mác; là đảng của giai cấp vô sản lãnh đạo cuộc cách mạng 1905 ở Nga. Chỉ sau 14 năm (năm 1917), đảng đó đã làm nên Cách mạng Xã hội chủ nghĩa Tháng Mười (Nga) vĩ đại, mở ra kỷ nguyên phát triển mới cho nhân loại; chứng minh tính hiện thực của chủ nghĩa Mác-Lênin trong lịch sử. Năm 1919, Quốc tế Cộng sản được thành lập; năm 1922, Liên bang Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Xôviết (gọi tắt là Liênxô) ra đời, đánh dấu sự liên minh giai cấp vô sản của 12 quốc gia và năm 1940, Liênxô đã gồm 15 nước hợp thành. Với sức mạnh của liên minh giai cấp vô sản đó, trong chiến tranh thế giới thứ II, Liênxô đã không những bảo vệ được mình, mà còn giải phóng các nước đông Âu ra khỏi sự xâm lược của phátxít Đức. Hệ thống xã hội chủ nghĩa được thiết lập gồm Anbani, Ba Lan, Bungari, CuBa, Cộng hòa dân chủ Đức, Hung gari, Nam Tư, Liênxô, Rumani, Tiệp Khắc, Cộng hòa dân chủ nhân dân Triều tiên, Trung Quốc, Việt Nam. Sự kiện này đã làm cho chủ nghĩa tư bản không còn là hệ thống chính trị xã hội duy nhất mà nhân loại hướng tới; vai trò định hướng xây dựng xã hội mới của chủ nghĩa Mác-Lênin đã cổ vũ phong trào công nhân, phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc vì hòa bình, dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội. Do nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan, tháng 12 năm 1991, chủ nghĩa xã hội hiện thực ở Liênxô và đông Âu sụp đổ; nhiều đảng Cộng sản ở tây Âu từ bỏ mục tiêu chủ nghĩa; thất bại của kiểu nhà nước phúc lợi ở các nước tư bản đòi hỏi

những người cộng sản không chỉ có lập trường vững vàng, kiên định, mà còn phải hết sức tinh táo, bổ sung, phát triển chủ nghĩa Mác-Lênin một cách khoa học.

Thời đại ngày nay là thời đại của những biến động sâu sắc. Quá trình tạo ra những tiền đề cho chủ nghĩa xã hội đang diễn ra trong xã hội tư bản phát triển là một xu hướng khách quan. Thời đại ngày nay cho thấy vai trò hết sức to lớn của lý luận, của khoa học trong sự phát triển của xã hội. Những điều đó tất yếu đòi hỏi chủ nghĩa Mác-Lênin phải được bổ sung, phát triển và có những khái quát mới. Chỉ có như vậy, chủ nghĩa Mác-Lênin mới giữ được vai trò thế giới quan, phương pháp luận trong quan hệ với khoa học cụ thể và trong sự định hướng phát triển của xã hội loài người.

C.Mác, Ph.Ăngghen và V.I.Lênin không để lại cho những người cộng sản nói chung, những người cộng sản Việt Nam nói riêng những chỉ dẫn cụ thể về con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở mỗi nước. Các quốc gia, dân tộc khác nhau có những con đường đi khác nhau lên chủ nghĩa xã hội, bởi lẽ mỗi quốc gia, dân tộc đều có những đặc thù riêng và điều kiện kinh tế, chính trị, xã hội, lịch sử, văn hoá riêng và con đường riêng đó “đòi hỏi phải áp dụng những nguyên tắc của chủ nghĩa cộng sản sao cho những nguyên tắc ấy được cải biến đúng đắn trong những vấn đề chi tiết, được làm cho phù hợp, cho thích hợp với đặc điểm dân tộc và đặc điểm nhà nước-dân tộc”. Trên cơ sở kiên trì chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; xuất phát từ những bài học cải tạo và xây dựng chủ nghĩa xã hội từ thực trạng kinh tế xã hội đất nước, Đảng ta đề ra đường lối đưa đất nước ta từng bước quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Thực tiễn của quá trình đổi mới đang đặt ra hàng loạt vấn đề mới mẻ và phức tạp về kinh tế, chính trị, văn hoá; những vấn đề đó không thể giải quyết chỉ bằng lý luận, nhưng chắc chắn không thể giải quyết được nếu không có tư duy lý luận Mác-Lênin.

Câu 6: Mục đích và yêu cầu của việc học tập, nghiên cứu môn học Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin?

Lời giải:

Học tập, nghiên cứu môn học Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin cần phải theo phương pháp gắn những quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin với thực tiễn đất nước và thời đại;

Học tập, nghiên cứu môn học Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin cần phải hiểu đúng tinh thần, thực chất của nó; tránh bệnh kinh viện, giáo điều trong học tập, nghiên cứu và vận dụng các nguyên lý đó trong thực tiễn;

Học tập, nghiên cứu môn học mỗi nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin trong mối quan hệ với các nguyên lý khác; mỗi bộ phận lý luận cấu thành này phải gắn kết

với các bộ phận lý luận cấu thành còn lại để thấy sự thống nhất của các bộ phận đó trong chủ nghĩa Mác-Lênin; đồng thời cũng nên nhận thức các nguyên lý đó trong tiến trình phát triển của lịch sử tư tưởng nhân loại.

Câu 7: Vấn đề cơ bản của triết học? Vấn đề cơ bản của triết học?

Lời giải:

Khái niệm vấn đề cơ bản của triết học.

Khởi điểm lý luận của bất kỳ học thuyết triết học nào đều là vấn đề về mối quan hệ giữa tư duy với tồn tại, giữa cái tinh thần với cái vật chất, giữa cái chủ quan với cái khách quan. Vấn đề cơ bản của triết học có đặc điểm

Đó là vấn đề rộng nhất, chung nhất đóng vai trò nền tảng, định hướng để giải quyết những vấn đề khác.

Nếu không giải quyết được vấn đề này thì không có cơ sở để giải quyết các vấn đề khác, ít chung hơn của triết học.

Giải quyết vấn đề này như thế nào thể hiện thế giới quan của các nhà triết học và thế giới quan đó là cơ sở tạo ra phương hướng nghiên cứu và giải quyết những vấn đề còn lại của triết học.

Định nghĩa. Theo Ph.Ăngghen: Vấn đề cơ bản lớn của mọi triết học, đặc biệt là của triết học hiện đại, là vấn đề quan hệ giữa tư duy và tồn tại.

Hai nội dung (hai mặt) vấn đề cơ bản của triết học.

Mặt thứ nhất (mặt bản thể luận) vấn đề cơ bản của triết học giải quyết mối quan hệ giữa ý thức với vật chất. Cái gì sinh ra và quy định cái gì- thế giới vật chất sinh ra và quy định thế giới tinh thần; hoặc ngược lại, thế giới tinh thần sinh ra và quy định thế giới vật chất- đó là mặt thứ nhất vấn đề cơ bản của triết học. Giải quyết mặt thứ nhất vấn đề cơ bản của triết học như thế nào là cơ sở duy nhất phân chia các nhà triết học và các học thuyết của họ thành hai trường phái đối lập nhau là chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa duy tâm triết học; phân chia các nhà triết học và các học thuyết của họ thành triết học nhất nguyên (còn gọi là nhất nguyên luận) và triết học nhị nguyên (còn gọi là nhị nguyên luận).

Mặt thứ hai (mặt nhận thức luận) vấn đề cơ bản của triết học giải quyết mối quan hệ giữa khách thể với chủ thể nhận thức, tức trả lời câu hỏi liệu con người có khả năng nhận thức được thế giới (hiện thực khách quan) hay không? Giải quyết mặt thứ hai vấn đề cơ bản của triết học như thế nào là cơ sở phân chia các nhà triết học và các học thuyết của họ thành phái khả tri (có thể biết về thế giới), bất khả tri (không thể

biết về thế giới) và hoài nghi luận (hoài nghi bản chất nhận thức của con người về thế giới).

Câu 8: Bản chất, nội dung của chủ nghĩa duy vật biện chứng?

Lời giải:

Chủ nghĩa duy vật biện chứng là cơ sở lý luận của thế giới quan khoa học; là khoa học về những quy luật chung nhất của sự vận động và phát triển trong tự nhiên, xã hội và tư duy. Triết học Mác-Lênin là triết học duy vật, bởi triết học đó coi ý thức là tính chất của dạng vật chất có tổ chức cao là bộ não người và nhiệm vụ của bộ não người là phản ánh giới tự nhiên. Sự phản ánh có tính biện chứng, bởi nhờ nó mà con người nhận thức được mối quan hệ qua lại chung nhất giữa các sự vật, hiện tượng của thế giới vật chất; đồng thời nhận thức được rằng, sự vận động và phát triển của thế giới là kết quả của các mâu thuẫn đang tồn tại bên trong thế giới đang vận động đó.

Chủ nghĩa duy vật biện chứng là hình thức cao nhất trong các hình thức của chủ nghĩa duy vật.

Bản chất của nó thể hiện ở:

- a) Giải quyết duy vật biện chứng vấn đề cơ bản của triết học.
- b) Sự thống nhất giữa chủ nghĩa duy vật với phép biện chứng tạo nên chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật biện chứng không chỉ là phương pháp giải thích, nhận thức thế giới, mà còn là phương pháp cải tạo thế giới của giai cấp công nhân trong quá trình cải tạo và xây dựng xã hội.
- c) Quan niệm duy vật về lịch sử là cuộc cách mạng trong học thuyết về xã hội.
- d) Sự thống nhất giữa tính khoa học với tính cách mạng; lý luận với thực tiễn tạo nên tính sáng tạo của triết học Mác.

Nội dung của chủ nghĩa duy vật biện chứng gồm nhiều bộ phận, nhưng cơ bản nhất là bản thể luận duy vật biện chứng; nhận thức luận biện chứng duy vật và duy vật biện chứng về xã hội. Với bản chất và nội dung như vậy, chủ nghĩa duy vật biện chứng có chức năng thế giới quan duy vật biện chứng và chức năng phương pháp luận biện chứng duy vật, tạo cơ sở cho sự định hướng trong hoạt động nhận thức và hoạt động thực tiễn.

Câu 9: Khái lược về vai trò của thế giới quan và phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng?

Lời giải:

Chủ nghĩa duy vật biện chứng có nhiều chức năng, nhưng cơ bản nhất là chức năng thế giới quan duy vật biện chứng và chức năng phương pháp luận biện chứng duy vật của nhận thức khoa học và thực tiễn cách mạng.

Thế giới quan là hệ thống những nguyên tắc, quan điểm, niềm tin về thế giới; về bản thân con người, về cuộc sống và vị trí của con người trong thế giới ấy. Vai trò cơ bản của thế giới quan là sự định hướng hoạt động và quan hệ giữa cá nhân, giai cấp, tập đoàn người, của xã hội nói chung đối với hiện thực. Hệ thống các quan niệm triết học, kinh tế và chính trị-xã hội là cơ sở khoa học của thế giới quan duy vật biện chứng và thế giới quan duy vật biện chứng trước hết thể hiện ở cách giải quyết vấn đề cơ bản của triết học; theo đó vật chất có trước và quy định ý thức (duy vật), nhưng ý thức tồn tại độc lập tương đối và tác động trở lại vật chất (biện chứng). Trong lĩnh vực kinh tế, thế giới quan duy vật biện chứng thể hiện ở chỗ lực lượng sản xuất (cái thứ nhất) quy định ý quan hệ sản xuất (cái thứ hai), cơ sở hạ tầng (cái thứ nhất) quy định kiến trúc thượng tầng (cái thứ hai); nhưng cái thứ hai luôn tồn tại độc lập tương đối và tác động trở lại cái thứ nhất. Trong lĩnh vực xã hội, tồn tại xã hội (cái thứ nhất) quy định ý thức xã hội (cái thứ hai); nhưng ý thức xã hội tồn tại độc lập tương đối và tác động trực tiếp hay gián tiếp trở lại tồn tại xã hội.

Phương pháp luận là hệ thống những quan điểm, những nguyên tắc xuất phát chỉ đạo chủ thể trong việc xác định phương pháp cũng như trong việc xác định phạm vi, khả năng áp dụng chúng một cách hợp lý, có hiệu quả tối đa. Phương pháp luận là lý luận về phương pháp, là khoa học về phương pháp. Nhiệm vụ của phương pháp luận là giải quyết những vấn đề như phương pháp là gì? Bản chất, nội dung, hình thức của phương pháp ra sao? Phân loại phương pháp cần dựa vào những tiêu chí gì? Vai trò của phương pháp trong hoạt động nhận thức và hoạt động thực tiễn? v.v. Chức năng phương pháp luận biện chứng duy vật thể hiện ở hệ thống các nguyên tắc, phương pháp tổ chức và xây dựng hoạt động lý luận và hoạt động thực tiễn, đồng thời cũng chính là học thuyết về hệ thống đó và là phương pháp luận chung nhất của các khoa học chuyên ngành. Phương pháp luận biện chứng duy vật là sự thống nhất biện chứng giữa các phương pháp luận bộ môn, phương pháp luận chung đã được cụ thể hoá trong các lĩnh vực của hoạt động nhận thức và hoạt động thực tiễn. Với tư cách là hệ thống tri thức chung nhất về thế giới và về vai trò, vị trí của con người trong thế giới đó cùng với việc nghiên cứu những quy luật chung nhất của tự nhiên, xã hội và tư duy, chủ nghĩa duy vật biện chứng thực hiện chức năng phương pháp luận chung nhất. Mỗi luận điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng đồng thời là một nguyên tắc trong việc xác định, lý luận về phương pháp. Những chức năng trên tạo ra khả năng cải tạo thế giới của chủ nghĩa duy vật biện chứng, trở thành công cụ hữu hiệu trong hoạt động chinh phục tự nhiên và sự nghiệp giải phóng con người.

Thế giới quan duy vật biện chứng và phương pháp luận biện chứng duy vật triết học là cơ sở lý luận nền tảng của chủ nghĩa Mác-Lênin. Nắm vững chúng chẳng những là điều kiện tiên quyết để nghiên cứu toàn bộ hệ thống lý luận chủ nghĩa Mác-Lênin, mà còn là cơ sở để vận dụng sáng tạo và phát triển chúng vào hoạt động nhận thức; giải thích, nhận thức và giải quyết những vấn đề cấp bách của thực tiễn đất nước và thời đại đặt ra.

Câu 10: Định nghĩa, nội dung và ý nghĩa định nghĩa vật chất của V.I. Lênin?

Lời giải:

Các quan niệm về vật chất của các nhà duy vật trước Mác hoặc đồng nhất vật chất với các dạng vật chất cụ thể (triết học duy vật cổ đại); hoặc đồng nhất vật chất với các dạng vật chất cụ thể và tính chất của chúng (triết học duy vật thế kỷ XVII-XVIII).

Các phát minh của vật lý học cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX đã bác bỏ quan niệm đồng nhất vật chất với các dạng cụ thể của vật chất hoặc với thuộc tính của vật chất của các nhà triết học duy vật cổ đại và cận đại. Tia X- là sóng điện từ có bước sóng rất ngắn; sau khi bức xạ ra hạt Anpha, nguyên tố Urani chuyển thành nguyên tố khác; điện tử là một trong những thành phần tạo nên nguyên tử; khối lượng của các điện tử tăng lên khi vận tốc của điện tử tăng. Từ góc độ triết học, chủ nghĩa duy tâm đã giải thích sai lệch các phát minh trên; thậm chí các nhà khoa học cho rằng vật chất (được họ đồng nhất với nguyên tử và khối lượng) tiêu tan mất do vậy chủ nghĩa duy vật đã mất cơ sở để tồn tại. Điều này đòi hỏi khắc phục “cuộc khủng hoảng” phương pháp luận của vật lý; tạo đà cho phát triển tiếp theo của nhận thức duy vật biện chứng về vật chất, về những tính chất cơ bản của nó.

Định nghĩa vật chất của V.I.Lênin “Vật chất là một phạm trù triết học dùng để chỉ thực tại khách quan được đem lại cho con người trong cảm giác, được cảm giác của chúng ta chép lại, chụp lại, phản ánh và tồn tại không lệ thuộc vào cảm giác”.

Những nội dung cơ bản của định nghĩa vật chất của V.I.Lênin

Vật chất là gì?

Vật chất là phạm trù triết học nên vừa có tính trừu tượng vừa có tính cụ thể.

Tính trừu tượng của vật chất dùng để chỉ đặc tính chung, bản chất nhất của vật chất đó là đặc tính tồn tại khách quan, độc lập với ý thức con người và đây cũng là tiêu chí duy nhất để phân biệt cái gì là vật chất và cái gì không phải là vật chất.

Tính cụ thể của vật chất thể hiện ở chỗ chỉ có thể nhận biết được vật chất bằng các giác quan của con người; chỉ có thể nhận thức được vật chất thông qua việc nghiên cứu các sự vật, hiện tượng vật chất cụ thể.

Vật chất là thực tại khách quan có đặc tính cơ bản là tồn tại không phụ thuộc vào các giác quan của con người.

Vật chất có tính khách thể- con người có thể nhận biết được vật chất bằng các giác quan.

Ý thức là gì?

Ý thức là sự chép lại, chụp lại, phản ánh lại thực tại khách quan bằng các giác quan. Nhờ đó, con người trực tiếp hoặc gián tiếp nhận thức được thực tại khách quan. Chỉ có những sự vật, hiện tượng của thực tại khách quan chưa được con người nhận biết biết chứ không thể không biết.

Nội dung thứ ba được suy ra từ hai nội dung trên để xác định mối quan hệ biện chứng giữa thực tại khách quan (vật chất) với cảm giác (ý thức). Vật chất (cái thứ nhất) là cái có trước, tồn tại độc lập, không phụ thuộc vào ý thức và quy định ý thức. Ý thức (cái thứ hai) là cái có sau vật chất, phụ thuộc vào vật chất và như vậy, vật chất là nội dung, là nguồn gốc khách quan của ý thức, là nguyên nhân làm cho ý thức phát sinh. Tuy nhiên, ý thức tồn tại độc lập tương đối so với vật chất và có tác động, thậm chí chuyển thành sức mạnh vật chất khi nó thâm nhập vào quần chúng và được quần chúng vận dụng.

Ý nghĩa thế giới quan và phương pháp luận của định nghĩa đối với hoạt động nhận thức và thực tiễn.

Định nghĩa đưa lại thế giới quan duy vật biện chứng về vấn đề cơ bản của triết học. Về mặt thứ nhất vấn đề cơ bản của triết học, định nghĩa khẳng định vật chất có trước, ý thức có sau; vật chất là nguồn gốc khách quan của cảm giác, của ý thức (khắc phục quan điểm về vật chất của chủ nghĩa duy vật cổ và cận đại về vật chất). Về mặt thứ hai vấn đề cơ bản của triết học, định nghĩa khẳng định ý thức con người có khả năng nhận thức được thế giới vật chất (chống lại thuyết không thể biết và hoài nghi luận). Thế giới quan duy vật biện chứng xác định được vật chất trong lĩnh vực xã hội; đó là tồn tại xã hội quy định ý thức xã hội, kinh tế quy định chính trị v.v và tạo cơ sở lý luận cho các nhà khoa học tự nhiên, đặc biệt là các nhà vật lý vững tâm nghiên cứu thế giới vật chất.

Định nghĩa đưa lại phương pháp luận biện chứng duy vật của mối quan hệ biện chứng giữa vật chất với ý thức. Theo đó, vật chất có trước ý thức, là nguồn gốc và quy định ý thức nên trong mọi hoạt động cần xuất phát từ hiện thực khách quan, tôn trọng các quy luật vốn có của sự vật, hiện tượng; đồng thời cần thấy được tính năng động, tích cực của ý thức để phát huy tính năng động chủ quan nhưng tránh chủ quan duy ý chí mà biểu hiện là tuyệt đối hoá vai trò, tác dụng của ý thức, cho rằng

con người có thể làm được tất cả mà không cần đến sự tác động của các quy luật khách quan, các điều kiện vật chất cần thiết.

Câu 11: Phương thức, hình thức tồn tại của vật chất?

Lời giải:

Vận động là phương thức tồn tại của vật chất. Chủ nghĩa duy vật biện chứng cho rằng

Vận động, hiểu theo nghĩa chung nhất, tức được hiểu như là phương thức tồn tại của vật chất, là một thuộc tính cố hữu của vật chất, thì bao gồm tất cả mọi sự thay đổi và mọi quá trình diễn ra trong vũ trụ, kể từ sự thay đổi vị trí đơn giản cho đến tư duy.

Các hình thức (dạng) vận động cơ bản của vật chất. Có năm dạng vận động cơ bản của vật chất; đó là vận động cơ học- sự di chuyển vị trí của các vật thể trong không gian; vận động vật lý- sự vận động của các phân tử, các hạt cơ bản, vận động điện tử, các quá trình nhiệt, điện v.v; vận động hoá học- sự vận động của các nguyên tử, các quá trình hoá hợp và phân giải các chất; vận động sinh vật- sự trao đổi chất giữa cơ thể sống và môi trường; vận động xã hội- sự thay thế nhau giữa các hình thái kinh tế-xã hội.

Năm dạng vận động này quan hệ chặt chẽ với nhau. Một hình thức vận động nào đó được thực hiện là do có sự tác động qua lại với nhiều hình thức vận động khác. Một hình thức vận động này luôn có khả năng chuyển hoá thành hình thức vận động khác, nhưng không thể quy hình thức vận động này thành hình thức vận động khác. Mỗi một sự vật, hiện tượng có thể gắn liền với nhiều hình thức vận động nhưng bao giờ cũng được đặc trưng bằng một hình thức vận động cơ bản.

Vận động và đứng im. Thế giới vật chất bao giờ cũng ở trong quá trình vận động không ngừng, trong sự vận động không ngừng đó có hiện tượng đứng im tương đối. Nên hiểu hiện tượng đứng im chỉ xảy ra đối với một hình thức vận động nào đó của vật chất trong một lúc nào đó và trong một quan hệ nhất định nào đó, còn xét đến cùng, vật chất luôn luôn vận động. Nếu vận động là sự tồn tại trong sự biến đổi của các sự vật, hiện tượng, thì đứng im tương đối là sự ổn định, là sự bảo toàn quảng tính của các sự vật, hiện tượng. Như vậy, đứng im là tương đối; tạm thời và là trạng thái đặc biệt của vật chất đang vận động không ngừng.

Không gian và thời gian là hình thức tồn tại của vật chất. Mọi sự vật, hiện tượng tồn tại khách quan đều có vị trí, hình thức kết cấu, độ dài ngắn, cao thấp của nó- tất cả các thuộc tính đó gọi là không gian và không gian biểu hiện sự cùng tồn tại và cách biệt giữa các sự vật, hiện tượng với nhau, biểu hiện quảng tính, trật tự phân bố của chúng. Mọi sự vật, hiện tượng tồn tại trong trạng thái không ngừng biến đổi, nhanh,

chậm, kế tiếp nhau và chuyển hoá lẫn nhau- tất cả những thuộc tính đó gọi là thời gian và thời gian là hình thức tồn tại của vật chất thể hiện ở độ lâu của sự biến đổi; trình tự xuất hiện và mất đi của các sự vật, các trạng thái khác nhau trong thế giới vật chất; thời gian còn đặc trưng cho trình tự diễn biến của các quá trình vật chất, tính tách biệt giữa các giai đoạn khác nhau của quá trình đó. Tuy đều là hình thức tồn tại của vật chất, nhưng không gian và thời gian có sự khác nhau. Sự khác nhau đó nằm ở chỗ, không gian có ba chiều rộng, cao và dài; còn thời gian chỉ có một chiều trôi từ quá khứ tới tương lai.

Câu 12: Tính thống nhất vật chất của thế giới?

Lời giải:

Vấn đề tính thống nhất của thế giới luôn gắn liền với cách giải quyết vấn đề cơ bản của triết học. Chủ nghĩa duy vật biện chứng khẳng định bản chất của thế giới là vật chất; các sự vật, hiện tượng thống nhất với nhau ở tính vật chất. Chủ nghĩa duy vật biện chứng khẳng định bản chất của thế giới là vật chất; các sự vật, hiện tượng thống nhất với nhau ở tính vật chất.

Điều này được thể hiện ở:

Mọi sự vật, hiện tượng của thế giới đều có tính vật chất là tồn tại khách quan, độc lập với ý thức của con người.

Mọi sự vật, hiện tượng trong thế giới đều là những dạng cụ thể của vật chất; chúng đều mang đặc tính chung của vật chất (tồn tại vĩnh viễn, nghĩa là không bao giờ trở về số 0, không mất đi); đều được sinh ra từ vật chất (ý thức chẳng hạn).

Thế giới vật chất tồn tại vĩnh viễn và vô tận. Trong thế giới đó không có gì khác ngoài vật chất đang vận động, biến đổi và chuyển hoá theo những quy luật khách quan chung của mình.

Tính thống nhất vật chất của thế giới thể hiện ở sự tồn tại của thế giới thông qua giới vô cơ, giới hữu cơ trong bức tranh tổng thể về thế giới duy nhất; giữa chúng có sự liên hệ tác động qua lại, chuyển hoá lẫn nhau, vận động và phát triển. Các quá trình đó cho phép thấy đầy đủ sự thống nhất vật chất của thế giới trong các hình thức và giai đoạn phát triển, từ hạt cơ bản đến phân tử, từ phân tử đến các cơ thể sống, từ các cơ thể sống đến con người và xã hội loài người.

Quan điểm về bản chất vật chất và tính thống nhất vật chất của thế giới của chủ nghĩa duy vật biện chứng không chỉ định hướng trong việc giải thích về tính phong phú, đa dạng của thế giới, mà còn định hướng nhận thức về tính phong phú, đa dạng ấy trong quá trình hoạt động cải tạo tự nhiên hợp quy luật.

Câu 13: Nguồn gốc của ý thức?

Lời giải:

Nguồn gốc tự nhiên của ý thức (não người + sự phản ánh)

Não người là sản phẩm quá trình tiến hoá lâu dài của thế giới vật chất, từ vô cơ tới hữu cơ, chất sống (thực vật và động vật) rồi đến con người- sinh vật-xã hội. Là tổ chức vật chất có cấu trúc tinh vi; chỉ khoảng 370g nhưng có tới 14-15 tỷ tế bào thần kinh liên hệ với nhau và với các giác quan tạo ra mối liên hệ thu, nhận đa dạng để não người điều khiển hoạt động của cơ thể đối với thế giới bên ngoài. Hoạt động ý thức của con người diễn ra trên cơ sở hoạt động của thần kinh não bộ; bộ não càng hoàn thiện hoạt động thần kinh càng hiệu quả, ý thức của con người càng phong phú và sâu sắc. Điều này lý giải tại sao quá trình tiến hóa của loài người cũng là quá trình phát triển năng lực của nhận thức, của tư duy và tại sao đời sống tinh thần của con người bị rối loạn khi não bị tổn thương.

Sự phản ánh của vật chất là một trong những nguồn gốc tự nhiên của ý thức. Mọi hình thức vật chất đều có thuộc tính phản ánh và phản ánh phát triển từ hình thức thấp lên hình thức cao- tùy thuộc vào kết cấu của tổ chức vật chất. Phản ánh là sự tái tạo lại những đặc điểm, tính chất của dạng vật chất này (dưới dạng đã thay đổi) trong một dạng vật chất khác. Quá trình phản ánh bao hàm quá trình thông tin, cái được phản ánh (tác động) là những sự vật, hiện tượng cụ thể của vật chất, còn cái phản ánh (nhận tác động) là cái chứa đựng thông tin về những sự vật, hiện tượng đó.

Các hình thức phản ánh:

Phản ánh của giới vô cơ (gồm phản ánh vật lý và phản ánh hoá học) là những phản ánh thụ động, không định hướng và không lựa chọn.

Phản ánh của thực vật là tính kích thích

Phản ánh của động vật đã có định hướng, lựa chọn để nhờ đó mà động vật thích nghi với môi trường sống. Trong phản ánh của động vật có phản xạ không điều kiện (bản năng); phản xạ có điều kiện (tác động thường xuyên) ở động vật có thần kinh trung ương tạo nên tâm lý. Hình thức phản ánh cao nhất (phản ánh năng động, sáng tạo) là ý thức của con người, đặc trưng cho một dạng vật chất có tổ chức cao là não người. Tóm lại, sự phát triển của các hình thức phản ánh gắn liền với các trình độ tổ chức vật chất khác nhau và ý thức nảy sinh từ các hình thức phản ánh đó.

Quan điểm trên của triết học của chủ nghĩa Mác-Lênin về ý thức chống lại quan điểm của chủ nghĩa duy tâm tách rời ý thức khỏi hoạt động của não người, thần bí

hoá ý thức; đồng thời chống lại quan điểm của chủ nghĩa duy vật tầm thường cho rằng não tiết ra ý thức tương tự như gan tiết ra mật.

Nguồn gốc xã hội của ý thức (lao động + ngôn ngữ)

Lao động là hoạt động có mục đích, có tính lịch sử-xã hội của con người nhằm tạo ra của cải để tồn tại và phát triển; đồng thời lao động cũng tạo ra đời sống tinh thần và hơn thế nữa, lao động giúp con người hoàn thiện chính mình. Sự hoàn thiện của đôi tay, việc biết chế tạo công cụ lao động làm cho ý thức không ngừng phát triển, tạo cơ sở cho con người nhận thức những tính chất mới của giới tự nhiên; dẫn đến năng lực tư duy trừu tượng, khả năng phán đoán, suy luận dần được hình thành và phát triển.

Trong quá trình lao động con người liên kết với nhau, tạo thành các mối quan hệ xã hội tất yếu và các mối quan hệ của các thành viên của xã hội không ngừng được củng cố và phát triển dẫn đến nhu cầu cần thiết “phải trao đổi với nhau điều gì đấy” nên ngôn ngữ xuất hiện. Ngôn ngữ ra đời trở thành “cái vỏ vật chất của ý thức”, thành phương tiện thể hiện ý thức. Nhờ ngôn ngữ, con người khái quát hoá, trừu tượng hoá những kinh nghiệm để truyền lại cho nhau. Ngôn ngữ là sản phẩm của lao động, đến lượt nó, ngôn ngữ lại thúc đẩy lao động phát triển. Như vậy, bộ não người cùng với thế giới vật chất tác động lên bộ não đó là nguồn gốc tự nhiên của ý thức và với quan điểm như vậy về ý thức, chủ nghĩa duy vật biện chứng chống lại quan điểm của chủ nghĩa duy tâm tách rời ý thức ra khỏi hoạt động của bộ não, thần bí hoá ý thức; đồng thời chống lại quan điểm của chủ nghĩa duy vật tầm thường cho rằng não tiết ra ý thức tương tự như gan tiết ra mật.

Câu 14: Bản chất của ý thức?

Lời giải:

Bản chất của ý thức thể hiện qua bốn điểm Điểm xuất phát để hiểu bản chất của ý thức là sự thừa nhận ý thức là sự phản ánh, là hình ảnh tinh thần về sự vật, hiện tượng khách quan. Ý thức thuộc phạm vi chủ quan, không có tính vật chất, mà chỉ là hình ảnh phi cảm tính của các sự vật, hiện tượng cảm tính được phản ánh. Bản chất của ý thức thể hiện ở sự phản ánh năng động, sáng tạo thế giới khách quan vào bộ não người; là hình ảnh chủ quan về thế giới khách quan.

Ý thức là hình ảnh chủ quan về thế giới khách quan bởi hình ảnh ấy tuy bị thế giới khách quan quy định cả về nội dung lẫn hình thức thể hiện; nhưng thế giới ấy không còn y nguyên như nó vốn có, mà đã bị cái chủ quan của con người cải biến thông qua tâm tư, tình cảm, nguyện vọng, nhu cầu v.v. Ý thức “chẳng qua chỉ là vật chất được đem chuyển vào trong đầu óc con người và được cải biến đi ở trong đó”. Có thể nói, ý thức phản ánh hiện thực, còn ngôn ngữ thì diễn đạt hiện thực và nói lên tư

tưởng. Các tư tưởng đó được tín hiệu hoá trong một dạng cụ thể của vật chất- là ngôn ngữ- cái mà con người có thể cảm giác được.

Không có ngôn ngữ thì ý thức không thể hình thành và tồn tại được.

Ý thức là sự phản ánh năng động, sáng tạo, thể hiện ở chỗ, ý thức phản ánh thế giới có chọn lọc- tùy thuộc vào mục đích của chủ thể nhận thức. Sự phản ánh đó nhằm nắm bắt bản chất, quy luật vận động và phát triển của sự vật, hiện tượng; khả năng vượt trước (dự báo) của ý thức tạo nên sự lường trước những tình huống sẽ gây tác động tốt, xấu lên kết quả của hoạt động mà con người đang hướng tới. Có được dự báo đó, con người điều chỉnh chương trình của mình sao cho phù hợp với dự kiến xu hướng phát triển của sự vật, hiện tượng; xây dựng các mô hình lý tưởng, đề ra phương pháp thực hiện phù hợp nhằm đạt kết quả tối ưu. Như vậy, ý thức không chỉ phản ánh thế giới khách quan, mà còn tạo ra thế giới khách quan. 3. Ý thức là một hiện tượng xã hội và mang bản chất xã hội. Sự ra đời và tồn tại của ý thức gắn liền với hoạt động thực tiễn; chịu sự chi phối không chỉ của các quy luật sinh học, mà chủ yếu còn của các quy luật xã hội; do nhu cầu giao tiếp xã hội và các điều kiện sinh hoạt hiện thực của xã hội quy định. Với tính năng động, ý thức đã sáng tạo lại hiện thực theo nhu cầu của bản thân và thực tiễn xã hội. Ở các thời đại khác nhau, thậm chí ở cùng một thời đại, sự phản ánh (ý thức) về cùng một sự vật, hiện tượng có sự khác nhau- theo các điều kiện vật chất và tinh thần mà chủ thể nhận thức phụ thuộc.

Có thể nói quá trình ý thức gồm các giai đoạn.

Trao đổi thông tin hai chiều giữa chủ thể với khách thể phản ánh; định hướng và chọn lọc các thông tin cần thiết.

Mô hình hoá đối tượng trong tư duy ở dạng hình ảnh tinh thần, tức là sáng tạo lại khách thể phản ánh theo cách mã hoá sự vật, hiện tượng vật chất thành ý tưởng tinh thần phi vật chất.

Chuyển mô hình từ tư duy ra hiện thực, tức là quá trình hiện thực hoá tư tưởng, thông qua hoạt động thực tiễn biến các ý tưởng tinh thần phi vật chất trong tư duy thành các sự vật, hiện tượng vật chất ngoài hiện thực. Trong giai đoạn này, con người lựa chọn phương pháp, công cụ tác động vào hiện thực khách quan nhằm thực hiện mục đích của mình.